

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 140/2020/HNGĐ-ST

Ngày 26 – 8 – 2020

V/v Không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Chiến  
Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Tô Huyền Trang – *Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.*

Ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 405/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020, về việc không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 662/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Kiều Thị Mỹ N, sinh năm 1986 (có mặt);

- *Bị đơn:* Anh Ngô Văn L (tên gọi khác Vũ), sinh năm 1987 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số I, đường KX, khóm Y, phường X, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án Kiều Thị Mỹ N trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Ngô Văn L xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2007, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, anh L không quan tâm, chăm sóc vợ con, anh L thường xuyên đánh, chửi mắng, xúc phạm chị, gia đình có khuyến can, anh L có cam kết nhưng không sửa chữa khuyết điểm. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng đến mức trầm trọng. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh L.

- Về con chung: Chị và anh L có 02 người con chung tên Ngô Thị Tú Ng, sinh ngày 28/11/2008 và Ngô Thị Bảo T, sinh ngày 17/3/2010, hiện nay đang sống chung với chị và anh L. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cả 02 người con chung, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị xác định không nợ ai và không ai nợ lại.

*\* Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà anh Ngô Văn L trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh xác định anh và chị N chung sống vào năm 2007, không đăng ký kết hôn đúng như chị N trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng đúng như chị N trình bày, anh có đánh chị N, thiếu quan tâm, chăm sóc vợ con. Tuy nhiên anh có yêu cầu được đoàn tụ. Trường hợp chị N kiên quyết ly hôn thì anh đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị N có 02 người con chung đúng như chị N trình bày. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cả 02 người con chung cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh xác định không nợ ai và không ai nợ lại.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Về tố tụng: Chị Kiều Thị Mỹ N và anh Ngô Văn L chung sống với nhau vào năm 2007, không đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Chị N yêu cầu ly hôn với anh L. Quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là không công nhận vợ chồng theo quy định tại Điều 53 của Luật hôn và nhân gia đình. Căn cứ vào quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Hôn nhân: Chị Kiều Thị Mỹ N và anh Ngô Văn L chung sống với nhau như vợ chồng, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh L. Căn cứ vào Điều 9, khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân gia đình, không công nhận chị Kiều Thị Mỹ N và Ngô Văn L là vợ chồng.

[3] Con chung: Chị N và anh L có 02 người con chung tên Ngô Thị Tú Ng, sinh ngày 28/11/2008 và Ngô Thị Bảo T, sinh ngày 17/3/2010, hiện nay đang sống chung với chị N và anh L. Khi ly hôn, chị N và anh L thống nhất giao cả 02 người con chung cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, phù hợp với ý kiến của con chung tại biên bản ngày 12/8/2020 nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này. Anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng.

[4] Tài sản chung: Chị Kiều Thị Mỹ N và anh Ngô Văn L thống nhất tự thỏa thuận. Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[5] Nợ chung: Chị Kiều Thị Mỹ N và anh Ngô Văn L xác định không có nợ chung. Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Kiều Thị Mỹ N phải nộp án phí ly hôn; Anh Ngô Văn L phải nộp án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hôn nhân: Không công nhận chị Kiều Thị Mỹ N và anh Ngô Văn L là vợ chồng.

Con chung: Giao Ngô Thị Tú Ng, sinh ngày 28/11/2008 và Ngô Thị Bảo T, sinh ngày 17/3/2010 cho chị Kiều Thị Mỹ N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh Ngô Văn L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng, định kỳ cấp dưỡng hàng tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng vào ngày 10/9/2020 cho đến khi cháu Nguyên và cháu Trân đủ 18 tuổi. Anh Ngô Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Kiều Thị Mỹ N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Ngô Văn L không tự nguyện thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

Nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Án phí: Chị Kiều Thị Mỹ N phải nộp án phí ly hôn 300.000 đồng. Ngày 16/7/2020 chị N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0002157 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu nộp vào Ngân sách Nhà nước. Anh Ngô Văn L phải nộp án phí cấp dưỡng 300.000 đồng (chưa nộp).

*Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND TP.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Ngọc Hân**